

Bản án số: 14/2020/KDTM - ST

Ngày: 25/12/2020

“V/v: Yêu cầu thực hiện
nghĩa vụ trả tiền”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PLEIKU, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuân Hồng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Toan

2. Bà Ngô Thị Thao

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Ngọc Yến – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thắng Trinh - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 12 năm 2020, tại: Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Pleiku xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 26/2020/TLST - KDTM ngày 19 tháng 5 năm 2020; về việc: “Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2020/QĐXXST – KDTM ngày 12 tháng 11 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty TNHH một thành viên Đ.

Địa chỉ: 104 Quang T, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đ.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Huỳnh P - Giám đốc công ty.

Địa chỉ: 104 Quang T, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đ

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: bà Trần Thị Anh T, sinh năm: 1990.

Địa chỉ: thôn 2, xã Thăng H, huyện C, tỉnh G.

(theo giấy ủy quyền số 2174, quyền số 03/VP/CC – SCC/HĐGD ngày 22/6/2020), bà T có mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: Công ty TNHH H.

Địa chỉ: 7/89 Lương Định C, phường H, TP.P, tỉnh G.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Lại Thị B – Giám đốc công ty.

Địa chỉ: 7/89 Lương Định C, phường Hội P, TP.P, tỉnh G, bà B vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 15/5/2020, đơn khởi kiện bổ sung ngày 27/7/2020 và các lời khai tại Tòa án, người đại diện theo pháp luật ông Huỳnh P trình bày:

Giữa Công ty TNHH một thành viên Đ và Công ty TNHH H có ký Hợp đồng thi công công trình nhà máy H để thi công một số hạng mục cho Công ty TNHH H. Quá trình thi công giữa Công ty TNHH một thành viên Đ và Công ty TNHH H đã có biên bản nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình vào ngày 31/5/2019.

Trên cơ sở biên bản nghiệm thu nói trên Công ty TNHH H đã xác nhận còn nợ lại Công ty TNHH một thành viên Đ số tiền 984.880.000đ (Chín trăm tám mươi tư triệu tám trăm tám mươi nghìn đồng) và hẹn ngày 10/12/2019 sẽ trả trước 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng), tuy nhiên sau đó Công ty TNHH H không thực hiện theo như đúng cam kết nói trên.

Tuy nhiên do có sơ xuất trong quá trình soạn thảo văn bản về việc xác nhận nợ giữa Công ty TNHH một thành viên Đ và Công ty TNHH H có ghi nhầm bên xác nhận nợ là công ty TNHH H do bà Lại Thị B là giám đốc làm đại diện thành tên Lại Ngọc B, nên ngày 27/7/2020 Công ty TNHH một thành viên Đ do ông Huỳnh P làm đại diện theo pháp luật đã có đơn khởi kiện bổ sung cho rằng bà Lại Thị B và bà Lại Ngọc B là một người.

Vì vậy, Công ty TNHH một thành viên Đ yêu cầu Tòa án TP.P buộc Công ty TNHH H phải thanh toán số tiền 984.880.000đ (Chín trăm tám mươi tư triệu tám trăm tám mươi nghìn đồng) theo như giấy xác nhận nợ nói trên, Công ty TNHH một thành viên Đ không yêu cầu tính lãi đối với số tiền trên.

Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng đối với bị đơn là Công ty TNHH H do bà Lại Thị B là người đại diện theo pháp luật, tuy nhiên ông bà Lại Thị B không có ý kiến gì và cũng không tham gia các buổi hòa giải cũng như không tham gia xét xử, nên bà Lại Thị B không có lời khai tại hồ sơ vụ án cũng như không có lời khai tại phiên tòa, nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Ý kiến Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh G tham gia phiên tòa:

* Ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án trong quá trình giải quyết vụ án thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng. Bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng bị đơn, người có quyền lợi

nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại các phiên họp và phiên hòa giải, vắng mặt tại phiên tòa.

* Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Căn cứ Điều 308; Điều 309 Luật Thương mại; khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 91, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Áp dụng khoản 2 Điều 26 của của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Đề nghị xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn là Công ty TNHH một thành viên Đ số tiền: 984.880.000đ (Chín trăm tám mươi tư triệu tám trăm tám mươi nghìn đồng)

Về án phí:

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, buộc bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan phải chịu án phí dân sự sơ thẩm:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Đây là tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh thương mại thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, bị đơn có trụ sở đăng ký kinh doanh tại 7/89 Lương Định C, phường Hội P, TP.P, tỉnh G, nên căn cứ khoản 1 điều 30; điểm b khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân TP.P.

Theo kết quả xác minh của Tòa án bị đơn có nơi đăng ký kinh doanh và địa chỉ của Công ty ở tại địa chỉ: 7/89 Lương Định C, phường H, TP.P, tỉnh G cùng với địa chỉ mà nguyên đơn đã cung cấp trong đơn khởi kiện và đúng với địa chỉ đã ghi trong Hợp đồng thi công và giấy xác nhận nợ đối với Công ty TNHH một thành viên Đ, đồng thời cũng phù hợp với giấy phép kinh doanh của Công ty TNHH H, tuy nhiên khi Tòa án tổng đạt thông báo Thụ lý vụ án, bị đơn là Công ty TNHH H do bà Lại Thị Bích là người đại diện theo pháp luật đã đi khỏi nơi cư trú mà nguyên đơn đã cung cấp cho Tòa án, khi đi bị đơn không thông báo cho nguyên đơn và Cơ quan có thẩm quyền biết về nơi cư trú mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40 của Bộ luật dân sự năm 2015, đây là trường hợp cố tình giấu địa chỉ, như vậy, xác định bị đơn có nơi cư trú tại: 7/89 Lương Định C, phường H, TP.P, tỉnh G.

- Bị đơn là Công ty TNHH H do bà Lại Thị B là đại diện theo pháp luật đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt và cũng không có văn bản trình bày ý kiến hay phản đối lại yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, như vậy bị

đơn đã mặc nhiên chấp nhận việc khởi kiện của Công ty TNHH một thành viên Đ và đồng thời xem như bị đơn từ bỏ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72 BLTTDS.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

Giữa Công ty TNHH một thành viên Đ và Công ty TNHH H có ký kết một hợp đồng thi công một số các hạng mục công trình của nhà máy H tại khu công nghiệp T, việc thi công công trình này đã được lập thành hợp đồng và có sự tự nguyện thỏa thuận ký kết của hai bên, sự việc trên là có thật và phù hợp với quy định của pháp luật nên phát sinh hiệu lực giữa các bên.

Sau khi Công ty TNHH một thành viên Đ hoàn tất các hạng mục thi công công trình theo yêu cầu của Công ty TNHH H thì giữa Công ty TNHH một thành viên Đ và Công ty TNHH H đã xác nhận lại việc nợ của Công ty TNHH H đối với Công ty TNHH một thành viên Đ, số tiền nợ cụ thể là: 984.880.000đ (Chín trăm tám mươi tư triệu tám trăm tám mươi nghìn đồng) và có ký xác nhận và đóng dấu của Công ty TNHH H.

Đối với giấy xác nhận nợ ngày 24/10/2019 do sơ suất trong quá trình soạn thảo văn bản nên đã ghi nhầm tên người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH H là bà Lại Ngọc B (tên đúng là Lại Thị B), tuy nhiên bà Lại Thị B đã ký xác nhận và ký đóng dấu Công ty TNHH H để xác nhận nợ, vì vậy bà Lại Thị B và bà Lại Ngọc B đều là một người là đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH H.

[3] Theo các tài liệu chứng cứ do Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn cung cấp thể hiện trong quá trình thực hiện hợp đồng, phía Công ty TNHH H đã vi phạm thời hạn trả nợ theo Hợp đồng, vì vậy việc khởi kiện của Công ty TNHH một thành viên Đ đối với Công ty TNHH H về việc buộc Công ty TNHH H phải trả cho Công ty TNHH một thành viên Đ số tiền 984.880.000đ (Chín trăm tám mươi tư triệu tám trăm tám mươi nghìn đồng) là có căn cứ và đúng theo quy định của pháp luật.

[4] Từ những nhận định trên, xét thấy yêu cầu của nguyên đơn là hoàn toàn có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật, vì vậy căn cứ vào Điều 463; Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH một thành viên Đ buộc Công ty TNHH H phải có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty TNHH một thành viên Đ số tiền: 984.880.000đ (Chín trăm tám mươi tư triệu tám trăm tám mươi nghìn đồng), Công ty TNHH một thành viên Đ không yêu cầu tính lãi đối với số tiền nói trên nên HĐXX không xem xét.

[5] Về án Phí: Do chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Hoàn trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã tạm nộp trước đây.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 308, Điều 309 Luật Thương mại; khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 91, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng khoản 2 Điều 26 của của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH một thành viên Đ.

1. Buộc Công ty TNHH H phải có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty TNHH một thành viên Đ số tiền: 984.880.000đ (Chín trăm tám mươi tư triệu tám trăm tám mươi nghìn đồng)

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

Buộc Công ty TNHH H phải chịu 41.546.400đ (Bốn mươi một triệu năm trăm bốn mươi sáu nghìn bốn trăm đồng) tiền án phí phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Hoàn trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã tạm nộp trước đây số tiền 20.773.000đ (Hai mươi triệu bảy trăm bảy mươi ba nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp trước đây theo biên lai số 0005004 ngày 19/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P, tỉnh Gia L.

5. Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án hôm nay (ngày 25/12/2020) Nguyên đơn có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Riêng đối với bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a; 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND TP. Pleiku;
- Chi cục THADS TP. Pleiku;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

